

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 15-10-2021

V/v ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ngô Đê

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Trung Vẹn

Ông Nguyễn Thanh Nhã

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Minh Loan - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 45/2020/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 12 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2021 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 86/TB-TA ngày 04 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Huỳnh Thị H, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Đ, xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn:* Anh Chiang Hung Y, sinh năm 1991 (vắng mặt)

Địa chỉ: Lãnh thổ Đài Loan.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 08 tháng 10 năm 2020, nguyên đơn chị Huỳnh Thị H trình bày: Qua giới thiệu của bạn bè nên chị quen biết anh Chiang Hung Y và sau một thời gian tìm hiểu hai người quyết định kết hôn với nhau, tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện D ngày 10/9/2019. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung được 07 ngày thì anh Chiang Hung Y xuất cảnh trở về Lãnh thổ Đài Loan và từ đó cho đến nay, anh Chiang Hung Y cũng không bao lãnh chị sang Lãnh thổ Đài Loan để đoàn tụ. Đến đầu năm 2020, thì anh Chiang Hung Y không còn liên lạc với chị nữa. Cho nên, chị cảm thấy mục đích hôn nhân không đạt được và không kéo dài cuộc hôn nhân. Vì vậy, chị làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Chiang Hung Y.

Về con chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tiến hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét thấy chị Huỳnh Thị H và anh Chiang Hung Y kết hôn với nhau vào năm 2019, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung với nhau được một thời gian ngắn thì anh Chiang Hung Y xuất cảnh trở về Lãnh thổ Đài Loan. Hiện nay, hai người không còn liên lạc, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Do đó, chị H yêu cầu được ly hôn với anh Chiang Hung Y là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H và cho chị H ly hôn với anh Chiang Hung Y; về con chung, tài sản chung và nợ chung, chị H không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Huỳnh Thị H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt (BL 71). Riêng bị đơn anh Chiang Hung Y là người nước ngoài, đang cư trú trên Lãnh thổ Đài Loan nên sau khi thụ lý vụ án, Tòa án án nhân dân tỉnh Trà Vinh đã lập thủ tục, hồ sơ ủy thác tư pháp về dân sự đề nghị cơ quan có thẩm quyền của Lãnh thổ Đài Loan thực hiện công việc tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh cho anh Chiang Hung Y. Hồ sơ ủy thác tư pháp của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh được cơ quan có thẩm quyền của Lãnh thổ Đài Loan tổng đạt trực tiếp cho anh Chiang Hung Y vào ngày 24/7/2021 (BL 59), nhưng anh Chiang Hung Y không có ý kiến trình bày bằng văn bản gửi cho Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh, không có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và Tòa án đã hoãn phiên tòa lần thứ nhất vào ngày 15/9/2021. Do đó, căn cứ vào Điều 238, điểm b khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị H và anh Chiang Hung Y.

[2] Về hôn nhân: Chị Huỳnh Thị H và anh Chiang Hung Y kết hôn với nhau vào năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện D, tỉnh Trà Vinh theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam. Tuy nhiên, sau khi kết hôn, chị H và anh Chiang Hung Y sống chung với được một thời gian ngắn (07 ngày) thì anh Chiang Hung Y xuất cảnh trở về Lãnh thổ Đài Loan sinh sống cho đến nay. Theo chị H khai, đến đầu năm 2020 anh Chiang Hung Y không còn liên lạc với chị H nên giữa anh Chiang Hung Y và chị H không thực hiện được tình nghĩa vợ chồng về yêu thương, quan tâm, chăm sóc, sống chung với nhau; giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, chị H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Chiang Hung Y, là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Không có, nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Không có, nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Không có, nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[6] Xét thấy ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H, cho chị H ly hôn với anh Chiang Hung Y; không xem xét, giải quyết về con chung, tài sản chung và nợ chung, là có căn cứ chấp nhận.

[7] Về án phí: Theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định “Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn”. Do đó, buộc chị Huỳnh Thị H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật bằng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm chị Huỳnh Thị H đã nộp bằng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0003797 ngày 15/12/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh, nên không phải nộp tiếp.

[8] Về chi phí ủy thác tư pháp: Theo khoản 3 Điều 153 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định “Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải nộp chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn”. Do đó, buộc chị Huỳnh Thị H phải chịu lệ phí ủy thác tư pháp theo quy định của pháp luật bằng 400.000 đồng (Bốn trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền lệ phí ủy thác tư pháp chị Huỳnh Thị H đã nộp bằng 400.000 đồng (Bốn trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0004016 ngày 24/02/2021 và biên lai số 0007264 ngày 05/10/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh, nên không phải nộp tiếp.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 153, Điều 238, khoản 1 Điều 273, điểm b khoản 5 Điều 477 và khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56 và khoản 1 Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị Huỳnh Thị H.

1. Về hôn nhân: Cho chị Huỳnh Thị H ly hôn với anh Chiang Hung Y.
2. Về con chung: Không có, nên Tòa án không xem xét, giải quyết.
3. Về tài sản chung: Không có, nên Tòa án không xem xét, giải quyết.
4. Về nợ chung: Không có, nên Tòa án không xem xét, giải quyết.
5. Về án phí: Buộc chị Huỳnh Thị H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm bằng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm chị Huỳnh Thị H đã nộp bằng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0003797 ngày 15/12/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh, nên không phải nộp tiếp.

6. Về chi phí ủy thác tư pháp: Buộc chị Huỳnh Thị H phải chịu lệ phí ủy thác tư pháp bằng 400.000 đồng (Bốn trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm

ứng lệ phí ủy thác tư pháp chị Huỳnh Thị H đã nộp bằng 400.000 đồng (Bốn trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0004016 ngày 24/02/2021 và biên lai số 0007264 ngày 05/10/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh, nên không phải nộp tiếp.

Án xử sơ thẩm công khai vắng mặt nguyên đơn và bị đơn, báo cho nguyên đơn biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật, đề đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Cục THADS tỉnh Trà Vinh;
- UBND huyện D, tỉnh Trà Vinh;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Ngô Đê**